TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trí Dũng, bà Lê Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 09/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường D, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường D, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1945, nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường D, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bầy: Chị và anh Nguyễn Khắc N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/7/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình).

Sau ngày cưới vợ chồng chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân nhiều lần, lần gần đây nhất từ tháng 4 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Khắc N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/02/2011, cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 22/4/2019. Khi ly hôn chị M xin nuôi trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Khắc N không đến làm việc theo giấy báo, giấy triệu tập của Toà án cũng không gửi ý kiến về các nội dung khởi kiện của chị Hoàng Thị M.

Bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của anh Nguyễn Khắc N trình bày: Anh N và chị M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh N, chị M sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N làm ăn thua lỗ nên chị M đã bỏ nhà về bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị M, anh N có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/02/2011, cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 22/4/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, 03 con chung ở với chị M. Về tài sản chung, công sức, công nợ không có gì. Sau khi nhận các thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án thì bà đều thông báo, giao tận tay cho anh N. Mặc dù anh N đã nhận được Thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Toà án nhiều lần, đã biết về yêu cầu xin ly hôn của chị M nhưng anh N không đến Toà án làm việc. Nay chị M xin ly hôn anh N thì bà đề nghị Toà án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238 BLTTDS. Áp dụng Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Khắc N. Về con chung: Giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/02/2011, cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 22/4/2019. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đặt ra xem xét. Án phí ly

hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M phải nộp 300.000 đồng. Chị M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Chị Hoàng Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Khắc N có nơi cư trú tại phường D, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Hoàng Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Khắc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Khắc N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nguyên nhân là do làm ăn kinh tế thua lỗ, bất đồng quan điểm sống, mỗi người đã lựa chọn cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Anh N biết việc chị M xin ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, vợ chồng vẫn sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh N và cũng phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên.

[5] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị M; anh N có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/02/2011, Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/6/2012 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 22/4/2019. Từ khi chị M, anh N1 sống ly thân 03 con chung ở với chị M và do chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Xét nguyện vọng của chị M cũng như

nguyện vọng của các cháu H, H1, để tránh xáo trộn cuộc sống và sự phát triển bình thường của các con chung nên cần giao chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung kể từ tháng 02/2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quan hệ tài sản chung, công sức, công nợ: Chị M khai không có, Tòa án không ghi được ý kiến của anh N nhưng ghi được ý kiến của bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ của anh N) xác nhận anh N, chị M không có tài sản chung nên không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử ly hôn giữa chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Khắc N.

2. Về con chung: Giao chị M trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/02/2011, cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 22/4/2019 kể từ tháng 02/2026 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M, anh N được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị M và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003257 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSNDKV 6 - Ninh Bình
- Phòng THSDSKV 6 - Ninh Bình
- UBND phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tươi